

LỊCH TRỰC ĐỀ THI CỦA KHOA KINH TẾ

Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 31/01/2019

STT	Mã LHP	Lớp thi	Mã HP	Môn thi	Sĩ số	Thứ	Ngày thi	Tiết	Giảng viên giảng dạy	Thời gian thi	Lần	Loại thi	Phòng Thi	Ghi Chú
1	071400109601	18T4-KTD1	0714001096	Soạn thảo văn bản - LT(30)	34	2	17/12/2018	10 -> 12	Trần Thị Ngọc Dung	60	1	Thi cuối kỳ	H1.2 - 14 (P. Lý thuyết)	
2	071400109601	18T4-KTD1	0714001096	Soạn thảo văn bản - LT(30)	34	2	17/12/2018	10 -> 12	Trần Thị Ngọc Dung	60	1	Thi cuối kỳ	H1.2 - 15 (P. Lý thuyết)	
3	050600139401	16TCN-QTD	0506001394	Quản trị tiêu thụ bán hàng - LT(45)	42	5	20/12/2018	1 -> 3	Đào Anh Tuấn	90	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 03 (P. Lý thuyết)	
4	050600116801	16TCN-KTD	0506001168	Kiểm toán - LT(45)	28	5	20/12/2018	4 -> 6	Phạm Quỳnh Như	90	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 02 (P. Lý thuyết)	
5	050600139501	16TCN-QTD	0506001395	Quản trị chuỗi cung ứng - LT(45)	42	5	20/12/2018	4 -> 6	Phạm Thị Gia Tâm	90	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 03 (P. Lý thuyết)	
6	050600116601	16TCN-KTD	0506001166	Kế toán doanh nghiệp 2 - LT(60)	29	7	22/12/2018	1 -> 3	Lưu Thị Thúy	90	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 05 (P. Lý thuyết)	
7	050600139601	16TCN-QTD	0506001396	Quản trị lao động tiền lương - LT(45)	42	7	22/12/2018	1 -> 3	Võ Thị Kim Thư	90	1	Thi cuối kỳ	C2.3 - 01 (P. Lý thuyết)	
8	050600116901	16TCN-KTD	0506001169	Luật kinh tế - LT(30)	30	7	22/12/2018	4 -> 6	Trần Thị Ngọc Dung	60	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 03 (P. Lý thuyết)	
9	050600139701	16TCN-QTD	0506001397	Pháp luật Kinh tế - LT(30)	42	7	22/12/2018	4 -> 6	Nguyễn Mỹ Tiên	60	1	Thi cuối kỳ	C2.3 - 01 (P. Lý thuyết)	
10	030600112101	16CĐN-QTD	0306001121	Quản trị Marketing - LT(45)	28	2	24/12/2018	1 -> 3	Lê Xuân Thủy	60	1	Thi cuối kỳ	C2.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
11	030600112201	16CĐN-QTD	0306001122	Quản trị chuỗi cung ứng - LT(45)	28	2	24/12/2018	4 -> 6	Phạm Thị Gia Tâm	90	1	Thi cuối kỳ	C2.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
12	050600111205	16TCN-KTD	0506001112	Chính trị - LT(30)	38	2	24/12/2018	4 -> 6	Lê Thị Mai Hương	90	1	Thi cuối kỳ	C2.3 - 02 (P. Lý thuyết)	
13	030600112901	16CĐN-QTD	0306001129	Tài chính quốc tế - LT(45)	28	4	26/12/2018	1 -> 3	Lữ Xuân Trang	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 04 (P. Lý thuyết)	
14	050600117001	16TCN-KTD	0506001170	Thị trường chứng khoán - LT(45)	28	4	26/12/2018	1 -> 3	Phạm Thị Gia Tâm	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 06 (P. Lý thuyết)	
15	050600139801	16TCN-QTD	0506001398	Quản trị nhân lực - LT(45)	42	4	26/12/2018	1 -> 3	Trịnh Hoàng Hiệp	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
16	030600112601	16CĐN-QTD	0306001126	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh - LT(45)	28	4	26/12/2018	4 -> 6	Nguyễn Trọng Nghĩa	60	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 04 (P. Lý thuyết)	
17	050600116403	16TCN-KTD	0506001164	Phân tích hoạt động kinh doanh - LT(45)	30	4	26/12/2018	4 -> 6	Lê Thị Thu Thảo	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 06 (P. Lý thuyết)	
18	050600116404	16TCN-QTD	0506001164	Phân tích hoạt động kinh doanh - LT(45)	30	4	26/12/2018	4 -> 6	Lữ Xuân Trang	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
19	030600112501	16CĐN-QTD	0306001125	Quản trị nhân lực - LT(45)	28	6	28/12/2018	1 -> 3	Trịnh Hoàng Hiệp	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 05 (P. Lý thuyết)	
20	050600117101	16TCN-KTD	0506001171	Kế toán hành chính sự nghiệp - LT(45)	28	6	28/12/2018	1 -> 3	Lưu Thị Thúy	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
21	050600139901	16TCN-QTD	0506001399	Kinh doanh quốc tế - LT(45)	42	6	28/12/2018	1 -> 3	Lê Xuân Thủy	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 04 (P. Lý thuyết)	
22	030600112401	16CĐN-QTD	0306001124	Ngoại ngữ chuyên ngành 2 - LT(45)	28	6	28/12/2018	4 -> 6	Nguyễn Trọng Nghĩa	60	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 05 (P. Lý thuyết)	
23	050600116501	16TCN-KTD	0506001165	Thuế - LT(45)	28	6	28/12/2018	4 -> 6	Nguyễn Kính	60	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
24	050600139301	16TCN-QTD	0506001393	Ngoại ngữ chuyên ngành - LT(45)	42	6	28/12/2018	4 -> 6	Nguyễn Trọng Nghĩa	60	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 04 (P. Lý thuyết)	
25	030600112301	16CĐN-QTD	0306001123	Phân tích hoạt động kinh doanh - LT(45)	28	5	03/01/2019	1 -> 3	Phạm Quỳnh Như	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	

26	030600112801	16CĐN-QTD	0306001128	Quản trị tài chính doanh nghiệp - LT(45)	28	5	03/01/2019	4 -> 6	Lê Thị Thu Thảo	60	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
27	030600112701	16CĐN-QTD	0306001127	Quản trị dự án đầu tư - LT(45)	28	6	04/01/2019	1 -> 3	Trịnh Hoàng Hiệp	90	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 01 (P. Lý thuyết)	
28	021100159901	17C1-KTD1	0211001599	Kế toán thương mại dịch vụ - LT(30)	40	3	08/01/2019	7 -> 9	Phạm Quỳnh Như	90	1	Thi cuối kỳ		
29	021100159901	17C1-KTD1	0211001599	Kế toán thương mại dịch vụ - LT(30)	31	3	08/01/2019	7 -> 9	Phạm Quỳnh Như	90	1	Thi cuối kỳ	H1.2 - 10 (P. Lý Thuyết)	
30	021100154001	17C1-QTD1	0211001540	Quản trị văn phòng - LT(30)	32	3	08/01/2019	7 -> 9	Võ Thị Kim Thư	90	1	Thi cuối kỳ	H1.2 - 11 (P. Lý Thuyết)	
31	021100154001	17C1-QTD1	0211001540	Quản trị văn phòng - LT(30)	32	3	08/01/2019	7 -> 9	Võ Thị Kim Thư	90	1	Thi cuối kỳ	H1.2 - 12 (P. Lý Thuyết)	
32	071400173201	17T4-KTD1	0714001732	Tài chính doanh nghiệp - LT(45)	28	6	11/01/2019	7 -> 9	Lê Thị Thu Thảo	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 05 (P. Lý thuyết)	
33	071400173201	17T4-KTD1	0714001732	Tài chính doanh nghiệp - LT(45)	28	6	11/01/2019	7 -> 9	Lê Thị Thu Thảo	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 06 (P. Lý thuyết)	
34	071400172001	17T4-QTD1	0714001720	Hành vi tổ chức - LT(45)	37	6	11/01/2019	7 -> 9	Võ Thị Kim Thư	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
35	071400172001	17T4-QTD1	0714001720	Hành vi tổ chức - LT(45)	36	6	11/01/2019	7 -> 9	Võ Thị Kim Thư	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 04 (P. Lý thuyết)	
36	071400173301	17T4-KTD1	0714001733	Nguyên lý thống kê - LT(45)	28	6	11/01/2019	10 -> 12	Lữ Xuân Trang	60	1	Thi cuối kỳ	C2.1 - 04 (P. Lý thuyết)	
37	071400173301	17T4-KTD1	0714001733	Nguyên lý thống kê - LT(45)	28	6	11/01/2019	10 -> 12	Lữ Xuân Trang	60	1	Thi cuối kỳ	C2.1 - 05 (P. Lý thuyết)	
38	071400172101	17T4-QTD1	0714001721	Kinh tế vi mô - LT(45)	40	6	11/01/2019	10 -> 12	Đào Anh Tuấn	60	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
39	071400172101	17T4-QTD1	0714001721	Kinh tế vi mô - LT(45)	40	6	11/01/2019	10 -> 12	Đào Anh Tuấn	60	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 04 (P. Lý thuyết)	
40	021100159501	17C1-KTD1	0211001595	Kế toán doanh nghiệp 2 - LT(60)	31	4	16/01/2019	1 -> 3	Lưu Thị Thúy	90	1	Thi cuối kỳ	C3.2 - 02 (P. Lý thuyết)	
41	021100159501	17C1-KTD1	0211001595	Kế toán doanh nghiệp 2 - LT(60)	31	4	16/01/2019	1 -> 3	Lưu Thị Thúy	90	1	Thi cuối kỳ	C3.2 - 04 (P. Lý thuyết)	
42	021100153601	17C1-QTD1	0211001536	Kế toán doanh nghiệp - LT(30)	32	4	16/01/2019	1 -> 3	Lưu Thị Thúy	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 06 (P. Lý thuyết)	
43	021100153601	17C1-QTD1	0211001536	Kế toán doanh nghiệp - LT(30)	31	4	16/01/2019	1 -> 3	Lưu Thị Thúy	90	1	Thi cuối kỳ	C3.2 - 01 (P. Lý thuyết)	
44	021100159401	17C1-KTD1	0211001594	Kế toán thuế - LT(45)	31	4	16/01/2019	4 -> 6	Phạm Quỳnh Như	90	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 04 (P. Lý thuyết)	
45	021100159401	17C1-KTD1	0211001594	Kế toán thuế - LT(45)	31	4	16/01/2019	4 -> 6	Phạm Quỳnh Như	90	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 05 (P. Lý thuyết)	
46	021100153801	17C1-QTD1	0211001538	Quản trị marketing - LT(30)	32	4	16/01/2019	4 -> 6	Lê Xuân Thủy	90	1	Thi cuối kỳ	C2.3 - 03 (P. Lý thuyết)	
47	021100153801	17C1-QTD1	0211001538	Quản trị marketing - LT(30)	32	4	16/01/2019	4 -> 6	Lê Xuân Thủy	90	1	Thi cuối kỳ	C2.3 - 05 (P. Lý thuyết)	
48	021100159801	17C1-KTD1	0211001598	Toán kinh tế - LT(30)	31	3	22/01/2019	10 -> 12	Lê Thị Thu Thảo	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 04 (P. Lý thuyết)	
49	021100159801	17C1-KTD1	0211001598	Toán kinh tế - LT(30)	31	3	22/01/2019	10 -> 12	Lê Thị Thu Thảo	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 05 (P. Lý thuyết)	
50	021100153701	17C1-QTD1	0211001537	Thống kê doanh nghiệp - LT(30)	32	3	22/01/2019	10 -> 12	Phạm Quỳnh Như	90	1	Thi cuối kỳ	C2.3 - 05 (P. Lý thuyết)	
51	021100153701	17C1-QTD1	0211001537	Thống kê doanh nghiệp - LT(30)	31	3	22/01/2019	10 -> 12	Phạm Quỳnh Như	90	1	Thi cuối kỳ	C3.1 - 03 (P. Lý thuyết)	
52	021100153901	17C1-QTD1	0211001539	Quản trị tài nguyên nhân sự - LT(30)	40	4	23/01/2019	7 -> 9	Trịnh Hoàng Hiệp	90	1	Thi cuối kỳ	C2.1 - 05 (P. Lý thuyết)	
53	021100153901	17C1-QTD1	0211001539	Quản trị tài nguyên nhân sự - LT(30)	32	4	23/01/2019	7 -> 9	Trịnh Hoàng Hiệp	90	1	Thi cuối kỳ	C2.2 - 01 (P. Lý thuyết)	

Nơi nhận: Phòng Đào Tạo

TP. HCM,ngày 15 tháng 12 năm 2018

Trưởng khoa

Nguyễn Trọng Nghĩa